

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH VĂN HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4118 /QĐ-ĐT, ngày 30 tháng 11 năm 2012
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Văn học
 - + Tiếng Anh: Literature
- Mã số ngành đào tạo: 52 22 03 30
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Văn học (Chương trình Chất lượng cao)
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Literature (Honors Program)
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Văn học có trình độ chuyên môn sâu, khả năng nghiên cứu, ứng dụng, thực hành cao.

Cử nhân chất lượng cao ngành Văn học có kiến thức nền tảng về lí luận văn học, lượng kiến thức phổ biến về văn hóa và ngôn ngữ, lượng kiến thức sâu rộng về văn học Việt Nam và các nền văn học chính trên thế giới; đồng thời, cử nhân chất lượng cao có lượng kiến thức mới, cập nhật, có tính chất phát hiện, khám phá về văn học.

Rèn luyện cho cử nhân chất lượng cao ngành Văn học có kĩ năng thành thạo, sắc sảo về tư duy lí luận, phương pháp luận nghiên cứu và phê bình văn học, phương pháp giảng dạy văn học, nâng cao khả năng cảm thụ văn học, nắm vững nghiệp vụ báo chí và sáng tác để đáp ứng nhiều ngành nghề và địa bàn công tác khác nhau.

Đào tạo cử nhân chất lượng cao ngành Văn học làm công tác nghiên cứu văn học và những lĩnh vực có liên quan đến văn học (giảng dạy văn học ở các bậc học; hoạt động trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, truyền thông; theo dõi và quản lí hoạt động

văn hóa, văn học nghệ thuật). Cử nhân chất lượng cao ngành Văn học có khả năng nghiên cứu, bảo tồn di sản văn học dân tộc; có thể tham gia giới thiệu những nền văn học lớn trên thế giới vào Việt Nam và giới thiệu văn học Việt Nam ra nước ngoài; đồng thời có thể tham gia trực tiếp vào đời sống văn học đương đại (phê bình, thẩm định sáng tác văn học đương đại phục vụ cho các cơ quan báo chí, xuất bản; giới thiệu văn học đương đại Việt Nam ra nước ngoài).

Giúp cho cử nhân chất lượng cao ngành Văn học thấm nhuần tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có phẩm chất đạo đức tốt, trân trọng và phát huy những giá trị nhân văn cao đẹp của dân tộc và thế giới, góp phần vào việc xây dựng một đời sống văn học lành mạnh, ngày càng phát triển, nâng cao đời sống tinh thần của người Việt Nam, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: tuyển sinh học sinh tốt nghiệp THPT, dự thi đại học khối C (3 môn: Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa Lí), khối D (3 môn: Ngữ Văn, Toán Học, Ngoại Ngữ).

3.2. Phương thức tuyển chọn sinh viên hệ *Chất lượng cao*

3.2.1. Đối tượng tuyển chọn: Sinh viên trúng tuyển vào Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (diện tuyển thẳng, diện thi tuyển, không phân biệt trúng tuyển ngành nào), đạt yêu cầu về kiểm tra trình độ ngoại ngữ và viết bài luận, đồng thời thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

- Đạt giải ba toàn quốc trở lên trong kì thi học sinh giỏi lớp 12 (năm tuyển sinh và năm liền kề trước đó).
- Là học sinh giỏi 3 năm liền ở bậc THPT (lớp 10, lớp 11, lớp 12).

3.2.2. Phương thức tuyển chọn

- Tuyển thẳng: Đạt giải ba toàn quốc trở lên trong kì thi học sinh giỏi lớp 12 (năm tuyển sinh và năm liền kề trước đó).
- Xét tuyển: Đối tượng còn lại.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Khối kiến thức chung

- Nắm vững kiến thức cơ sở về những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, có kiến thức về tin học, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất.

- Nắm được kiến thức cơ bản của một số ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan đến ngành, kiến thức cơ sở của các môn học thuộc Khối kiến thức chung theo lĩnh vực, bước đầu có khả năng vận dụng tri thức và phương pháp liên ngành trong tiếp cận và nghiên cứu văn học.

1.2. Khối kiến thức lĩnh vực

- Có kiến thức cơ bản thuộc Khối kiến thức chung theo lĩnh vực của nhóm ngành, nắm vững các kiến thức về cơ sở văn hóa Việt Nam, phương pháp nghiên cứu khoa học, môi trường và phát triển, lôgic học đại cương, lịch sử văn minh thế giới, nhà nước và pháp luật đại cương, xã hội học đại cương. Ngoài ra, có thể lựa chọn để bổ sung thêm các kiến thức về kinh tế học đại cương, tâm lí học đại cương, thống kê cho khoa học xã hội hoặc thực hành văn bản tiếng Việt.

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đó vào giải quyết những lĩnh vực cụ thể của chuyên môn.

1.3. Khối kiến thức chung của khối ngành

- Có những nhận thức cơ bản về Hán Nôm cơ sở, dẫn luận ngôn ngữ học, nghệ thuật học đại cương.

- Bên cạnh các kiến thức mang tính bắt buộc nói trên, người học cũng có thể lựa chọn bổ sung kiến thức trong tổng thể kiến thức bao gồm lịch sử Việt Nam đại cương, Việt ngữ học đại cương, phong cách học tiếng Việt, nhân học đại cương, mĩ học đại cương, báo chí truyền thông đại cương.

1.4. Khối kiến thức chung của nhóm ngành

- Có những tri thức cơ bản về Hán văn Việt Nam, về văn học dân gian Việt Nam và về lí luận phê bình nghệ thuật. Có thể áp dụng những kiến thức này vào các lĩnh vực chuyên ngành của mình. Đây là những kiến thức mang tính bắt buộc đối với sinh viên thuộc chuyên ngành.

- Bên cạnh các kiến thức mang tính bắt buộc nói trên, người học cũng có thể lựa chọn bổ sung kiến thức trong tổng thể kiến thức bao gồm xã hội học nghệ thuật, nghiệp vụ báo chí và sáng tác, nhập môn nghệ thuật điện ảnh, từ vựng học tiếng Việt, ngữ pháp học tiếng Việt.

1.5. Khối kiến thức ngành

- Kiến thức về lịch sử văn học Việt Nam: gồm văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVIII, văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến thế kỉ XIX, văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945, văn học Việt Nam từ 1945 đến nay. Ngoài ra, cũng có thể lựa chọn để bổ sung một số kiến thức mang tính chuyên sâu về giao thoa Đông - Tây

và sự chuyển đổi hệ hình văn học trong văn học Việt Nam thời kì hiện đại hóa, Nho giáo và văn học dân tộc; về các tác gia lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du; về tiến trình thơ Việt Nam hiện đại và truyện ngắn Việt Nam hiện đại.

- Kiến thức về văn học Nga và Phương Tây: Nắm được một cách có hệ thống các vấn đề của một số giai đoạn chính của văn học Nga và phương Tây như văn học Hy Lạp và Phục hưng phương Tây, văn học châu Âu thế kỉ XVII đến thế kỉ XIX, văn học Nga. Bên cạnh đó, có thể lựa chọn để bổ sung kiến thức chuyên sâu về một số vấn đề như phê bình văn học phương Tây hiện đại - thành tựu, tiếp cận và ứng dụng, tiểu thuyết phương Tây thế kỉ XX, thơ Pháp, văn học Bắc Mỹ - Mỹ Latinh... Đặc biệt, đồng thời với việc nắm được những kiến thức cơ bản này, luôn có cái nhìn so sánh đối chiếu với văn học Việt Nam để nhận ra những quan hệ giao lưu, tiếp nhận.

- Kiến thức về văn học phương Đông: Nắm được một cách có hệ thống các vấn đề của một số nền văn học quan trọng tại khu vực châu Á bao gồm văn học Trung Quốc, văn học Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Ngoài ra, có thể lựa chọn để bổ sung kiến thức về văn học Ấn Độ, về tiếp nhận thơ Đường ở Việt Nam hoặc về truyện thơ Đông Nam Á. Đặc biệt nhấn mạnh việc có một cái nhìn so sánh đối chiếu với văn học Việt Nam để nhận ra những quan hệ giao lưu, tiếp nhận.

- Kiến thức về lí luận văn học: Nắm được một cách có hệ thống các kiến thức về lí luận văn học bao gồm những nguyên lí chung của lí luận văn học, các vấn đề về loại thể văn học và tác phẩm văn học. Bên cạnh đó, có kiến thức chuyên sâu về một số vấn đề như phương pháp sáng tác, phương pháp nghiên cứu, giảng dạy văn học... Có khả năng liên hệ kiến thức lí luận văn học với những kiến thức khác về văn học Việt Nam và văn học thế giới cũng như thực tiễn văn học đương đại.

- Kiến thức về nghệ thuật học: Có kiến thức về các vấn đề liên quan đến kịch bản văn học và kịch bản điện ảnh cũng như các vấn đề lí thuyết và thực tiễn về chuyển thể. Có liên hệ với những kiến thức về văn học để có được cái nhìn có tính liên ngành.

1.6. Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp

- Kiến thức thực tập thực tế: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên được củng cố và nắm vững thêm các kiến thức về văn học, lí luận văn học, lí thuyết và thực hành giảng dạy văn học, lí thuyết về nghệ thuật, các thể loại báo chí, các thể loại sáng tác văn học.

- Kiến thức tốt nghiệp: Sinh viên có kiến thức toàn cảnh, cơ bản về văn học, nghệ thuật, áp dụng linh hoạt, hiệu quả vào thực tế sáng tác, làm báo, nghiên cứu, giảng dạy văn học, nghệ thuật.

2. Về kĩ năng nghề nghiệp

2.1. Kỹ năng cứng

2.1.1. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Có kỹ năng tổng hợp thông tin về các hiện tượng văn học nghệ thuật từ ý kiến đánh giá khác nhau và từ đó hình thành nên được một đánh giá khái quát về hiện tượng văn học nghệ thuật.

- Hình thành ý tưởng, thu thập, xử lý thông tin, triển khai và hoàn tất một dự án nghiên cứu văn học ở quy mô nhỏ.

2.1.2. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Có khả năng vận dụng kiến thức về văn học và phương pháp nghiên cứu văn học để thực hiện đề tài nghiên cứu ở quy mô nhỏ hoặc tham gia vào những đề tài quy mô lớn và sau đó, có khả năng công bố kết quả nghiên cứu dưới các hình thức khác nhau từ bài thuyết trình cho đến bài báo, công trình nghiên cứu khoa học.

- Làm chủ kỹ năng viết một số dạng bài phê bình nghệ thuật đặc biệt là phê bình văn học và điện ảnh. Viết kịch bản một số thể loại phim điện ảnh và truyền hình. Xử lý các văn bản văn học nghệ thuật (biên tập sách, bài báo về văn học nghệ thuật).

2.1.3. Khả năng tư duy hệ thống

- Có khả năng chủ động phát hiện vấn đề và nghiên cứu, luận giải vấn đề trong quy mô hệ thống.

- Có khả năng phân tích, lí giải và đánh giá một hiện tượng văn học (một tác phẩm hoặc một nhóm tác phẩm) trên cơ sở vận dụng một cách có hệ thống kiến thức về văn học cũng như những lí thuyết nghiên cứu văn học.

2.1.4. Năng lực vận dụng kiến thức lí luận vào thực tiễn

- Nắm được đặc điểm cơ bản của các loại hình văn học nghệ thuật, ứng dụng linh hoạt vào thực tiễn sáng tác và nghiên cứu văn học nghệ thuật.

- Được định hướng để phát triển một trong số các kỹ năng: tư vấn, tham mưu cho các cấp quản lí về các hiện tượng văn học, văn hóa nghệ thuật; triển khai các dự án truyền thông liên quan đến văn học nghệ thuật.

2.1.5. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Chủ động tìm tòi, sáng tạo cái mới trong giảng dạy, nghiên cứu và sáng tác văn học nghệ thuật.

- Trang bị kiến thức liên ngành để đáp ứng yêu cầu làm việc ở nhiều lĩnh vực khác nhau của hoạt động văn học nghệ thuật và văn hóa.

2.2. Kỹ năng mềm

2.2.1. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Có khả năng làm việc theo nhóm, tham gia xây dựng nhóm làm việc, vận hành, phát triển nhóm và thay đổi nhóm để thích nghi với hoàn cảnh và đạt hiệu quả cao trong công việc.

- Xây dựng được các mối quan hệ bạn bè, đồng nghiệp và xã hội có văn hóa mang tinh thần nhân văn.

2.2.2. Kỹ năng quản lí và lãnh đạo

- Có khả năng quản lí chuyên môn nghiệp vụ văn học nghệ thuật và văn hóa.

- Có khả năng lãnh đạo đơn vị chuyên trách về giảng dạy, nghiên cứu, sáng tác văn học nghệ thuật và văn hóa.

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp

- Có khả năng xây dựng ý tưởng, lập luận, giao tiếp bằng văn bản, giao tiếp qua các phương tiện công nghệ, giao tiếp liên cá nhân trực tiếp, thuyết trình.

- Có kĩ năng nhận diện đối tượng giao tiếp và xây dựng được chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Có khả năng sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ trong giao tiếp thường nhật và phục vụ một số công việc liên quan đến chuyên môn. Đạt tương đương chuẩn B1 Khung tham chiếu châu Âu đối với tiếng Anh.

- Có thể đọc được các tài liệu chuyên môn bằng ngoại ngữ.

2.2.5. Kỹ năng mềm khác

- Có năng lực tư duy, diễn đạt được chính xác, trình bày được mạch lạc các vấn đề chuyên môn.

- Sử dụng thành thạo các chương trình tin học văn phòng liên quan đến soạn thảo văn bản và trình chiếu, thuyết trình; sử dụng được các công cụ hỗ trợ khi trình bày.

- Biết cách tra cứu, tìm kiếm tư liệu trên mạng và bước đầu biết áp dụng tin học vào công tác lưu trữ và xử lí thông tin liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của mình.

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Nhận thức và ứng xử theo các nguyên tắc đạo đức.

- Hiểu biết và tuân thủ hiến pháp, pháp luật, các quy định, quy chế hữu quan và các chuẩn mực đạo đức xã hội.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Yêu nghề nghiệp, có trách nhiệm với công việc và đảm bảo uy tín trong công việc, dám chịu trách nhiệm về sản phẩm do mình tạo ra.

- Có tinh thần khách quan khoa học, có đạo đức khoa học, trung thực trong khoa học, biết chấp nhận tính đa dạng của các giá trị thẩm mỹ.

- Độc lập, tự tin, có óc phê phán và tinh thần duy lí trong nhận thức, cởi mở, có cái nhìn khách quan và chấp nhận cái mới.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Nhận thức đúng vai trò của người lao động trí óc đối với xã hội, có trách nhiệm trước các vấn đề xã hội, từ những vấn đề liên quan đến lĩnh vực văn học nghệ thuật đến các vấn đề của đời sống nhân sinh.

- Có ý thức trong việc sử dụng kiến thức để đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp trình độ đại học ngành Văn học hệ chất lượng cao có thể đảm nhận các công tác như: sáng tác, làm báo, nghiên cứu, giảng dạy văn học tại các viện nghiên cứu; các trường đại học, cao đẳng; các cơ quan văn hoá, lưu trữ, thông tin... ; các cơ quan nhà nước; các tổ chức và đoàn thể xã hội có nhu cầu.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 148 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung trong ĐHQGHN: 32 tín chỉ

(Không tính các môn học GDTC và GDQP-AN, kỹ năng mềm)

- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực: 23 tín chỉ

+ *Bắt buộc: 17 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 6/8 tín chỉ*

- Khối kiến thức chung của khối ngành: 17 tín chỉ

+ *Bắt buộc: 12 tín chỉ*

+ *Tự chọn: 5/16 tín chỉ*

- **Khối kiến thức chung của nhóm ngành:** **13 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc:* 9 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 4/12 tín chỉ
- **Khối kiến thức ngành và bổ trợ:** **53 tín chỉ**
 - + *Bắt buộc:* 45 tín chỉ
 - + *Tự chọn:* 8/30 tín chỉ
- **Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:** **10 tín chỉ**

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung (Không tính các môn học từ số 10 đến số 12)	32				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	21	5	4	
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	32	8	5	PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	8	2	PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	35	7	3	POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	17	28		
6	FLF1105* FLF1205* FLF1305* FLF1405*	Tiếng Anh A1(*) Tiếng Nga A1(*) Tiếng Pháp A1(*) Tiếng Trung A1(*)	4	16	40	4	
7	FLF1106* FLF1206* FLF1306* FLF1406*	Tiếng Anh A2(*) Tiếng Nga A2(*) Tiếng Pháp A2(*) Tiếng Trung A2(*)	5	20	50	5	FLF1105* FLF1205* FLF1305* FLF1405*
8	FLF1107* FLF1207* FLF1307* FLF1407*	Tiếng Anh B1(*) Tiếng Nga B1(*) Tiếng Pháp B1(*) Tiếng Trung B1(*)	5	20	50	5	FLF1106* FLF1206* FLF1306* FLF1406*
9	FLF1108 FLF1208 FLF1308 FLF1408	Tiếng Anh B2 Tiếng Nga B2 Tiếng Pháp B2 Tiếng Trung B2	5	20	50	5	FLF1107* FLF1207* FLF1307* FLF1407*
10		Giáo dục thể chất	4				
11		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8				
12		Kỹ năng mềm	3				
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực	23				

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II.1		Bắt buộc	17				
13	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	33	12		
14	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1004
15	HIS1053*	Lịch sử văn minh thế giới(*)	3	42	3		
16	HIS1056*	Cơ sở văn hoá Việt Nam(*)	3	42	3		
17	SOC1050	Xã hội học đại cương	2	28	2		
18	PYS1050*	Tâm lí học đại cương(*)	2	30			
19	PHI1051	Logic học đại cương	2	20	10		
II.2		Tự chọn	6/8				
20	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	8	2	
21	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	20	8	2	
22	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	18	6	6	
23	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	10	10	10	
III		Khối kiến thức chung của khối ngành	17				
III.1		Bắt buộc	12				
24	SIN1001*	Hán Nôm cơ sở(*)	3	30	15		
25	LIN2033*	Dẫn luận ngôn ngữ học(*)	3	45			
26	LIT1100*	Nghệ thuật học đại cương(*)	3	45			
27	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	42	3		
III.2		Tự chọn	5/16				
28	LIT1101	Văn học Việt Nam đại cương	3	45			
39	LIN1100	Việt ngữ học đại cương	2	30			
30	LIN2007	Phong cách học tiếng Việt	2	30			
31	ANT1100	Nhân học đại cương	3	39	6		
32	PHI1100	Mĩ học đại cương	3	39	6		
33	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	39	6		
IV		Khối kiến thức chung của nhóm ngành	13				
IV.1		Bắt buộc	9				
34	LIT2001*	Hán văn Việt Nam(*)	2	30			
35	LIT3044	Văn học dân gian Việt Nam	5	75			
36	LIT3048	Lí luận, phê bình nghệ thuật	2	30			

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
IV.2		Tự chọn	4/12				
37	SOC3035	Xã hội học nghệ thuật	2	30			
38	LIT2003	Nghiệp vụ báo chí và sáng tác	2	28	2		
39	LIT1150	Nhập môn nghệ thuật điện ảnh	2	30			
40	LIN2003	Từ vựng học tiếng Việt	2	30			LIN2033*
41	LIT1153	Ngữ âm học tiếng Việt	2	30			LIN2033*
42	LIT2013	Ngữ pháp học tiếng Việt	2	30			LIN2033*
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ	53				
V.1		Bắt buộc	45				
43	LIT3001*	Nguyên lí lí luận văn học(*)	2	30			
44	LIT3003*	Tác phẩm văn học(*)	2	30			
45	LIT3002*	Loại thể văn học(*)	2	30			
46	LIT3005*	Văn học Việt Nam từ thế kỉ 10 đến giữa thế kỉ 18(*)	3	45			
47	LIT3050*	Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ 18 - thế kỉ 19(*)	4	60			
48	LIT3051*	Văn học Việt Nam từ 1900 đến 1945(*)	4	60			
49	LIT3052*	Văn học Việt Nam từ 1945 đến nay(*)	4	60			
50	LIT3053	Văn học Trung Quốc	4	60			
51	LIT3014*	Văn học khu vực Đông Nam Á và Đông Bắc Á(*)	2	30			
52	LIT3015	Văn học Hy Lạp - Phục hưng phương Tây	3	45			
53	LIT3054	Văn học Châu Âu thế kỉ 17 - thế kỉ 19	5	75			
54	LIT3055*	Văn học Nga(*)	4	60			
55	LIT3204	Phê bình văn học phương Tây hiện đại - thành tựu, tiếp cận và ứng dụng(***)	2	30			
56	LIT3202	Giao thoa Đông - Tây và sự chuyển đổi hệ hình văn học trong văn học Việt Nam thời kì hiện đại hóa(***)	2	30			
57	LIT4050	Niên luận	2	10	10	10	
V.2		Tự chọn	8/30				
58	LIT3203	Tư tưởng văn học Trung Quốc	2	30			
59	LIT3043	Phương pháp sáng tác	2	30			

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số môn học tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
60	LIT3020	Thi pháp văn học dân gian	2	30			LIT3044
61	LIT3021	Nho giáo và văn học dân tộc	2	30			
62	LIT3049	Nguyễn Trãi và Nguyễn Du trong lịch sử văn học Việt Nam	2	30			
63	LIT3022	Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại	2	30			
64	LIT3019	Truyện ngắn - lí thuyết và thực tiễn thể loại	2	30			
65	LIT3024	Truyện thơ Đông Nam Á	2	30			LIT3014*
66	LIT3034	Tiếp nhận thơ Đường tại Việt Nam	2	30			
67	LIT3035	Văn học Ấn Độ	2	30			
68	LIT3000	Tiểu thuyết phương Tây thế kỉ 20 - một số khuynh hướng và đặc điểm	2	30			
69	LIT3037	Thơ Pháp và những vấn đề lí luận	2	30			
70	LIT3038	Văn học Bắc Mỹ - Mỹ Latinh	2	30			
71	LIT3025	Phương pháp nghiên cứu, giảng dạy văn học	2	28	2		
72	LIT3056	Chuyên thể kịch bản trong nghệ thuật điện ảnh	2	28	2		
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	10				
73	LIT4051	Thực tập	3	9	27	9	
74	LIT4152	Khoá luận tốt nghiệp (**)	7				
Tổng cộng:			148				

Ghi chú:

(*)*Môn nâng cao*: Giống môn học hệ chuẩn về tên môn học và thời lượng, nhưng tổ chức học riêng.

(**)*Môn bổ sung thời lượng*: Giống môn học hệ chuẩn về tên môn học, thời lượng lớn hơn và được tổ chức học riêng.

(***)*Môn bổ sung mới*: Môn học mới hoàn toàn so với hệ chuẩn và được tổ chức học riêng.